XXVI, III

卷上

Nqq
(9)

國文叢記

AB. 383

雜詩

國文叢記 (卷上)

Quốc văn tùng ký (quyển thượng)

AB. 383.

半炭 Bán than thơ

陳慶餘 (Trần-khánh-Dư)

I
11, a

没	挭	乾	坤	掛	踖	岸
嗨	之	半	帝	啵	浪	炭
氹	彭	勉	特	銅	錢	卒
欣	舌	奈	包	裕	檜	殘
於	買	焆	香	朱	院	刼
此	貼	砂	鉄	固	紵	肝
擬	躺	髯	辱	酸	藝	恪
哝	餒	翿	箕	彯	几	寒

Một gánh kiền khôn quẩy tếch ngàn,
Hỏi gì bán đấy gửi rằng than,
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn,
Ở mấy lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đá sắt có bền gan,
Nghĩ mình nhem nhuốc toan nghề khác,
E nỗi thời kia lắm kẻ hàn ./.

橫槊詩

范五老 (Phạm-ngũ-Lão)

I
13.a

橫槊江山歷幾秋
三軍貔虎氣吞牛
丈夫未了功名債
羞聽人間說武侯

Hoanh sóc thi

(Phạm-ngũ-Lão)

Hoành sóc giang sơn lịch kỷ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Trượng phu vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết vũ hầu./.

演音 Diễn âm

莞槊江山硬尒秋
匜軍熊虎岂犇牛
功名啻底群紝嬇
隴憯腮聑傳武侯

Ngọn giáo giang sơn trải mấy thu,
Ba quân hùng hổ ngất sao ngưu.
Công danh ví để còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu./.

I
14, a

遣 使 匡
黎 聖 尊
名 蕢 良 使 壤 碧 群
裘 帶 矜 箱 鑿 斝 輪
繾 綣 私 恩 恚 世 態
慇 懃 公 義 道 碎 猥
芳 箋 甋 揇 念 虧 歛
恚 切 針 針 沚 諾 嫩
世 事 沒 最 歌 四 牡
功 名 台二 字 院 旄 鶣

Khiển sứ thần.

(Lê Thánh tôn.)

Danh thơm lưỡng sứ nẻo xưa còn,
Cửu đái nay nên tạc tấc son,
Khiển quyển tư ân lòng thế thái,
Ân cần công nghĩa đạo tôi con,
Phương tiên năm nắm niềm khuya sớm,
Lòng thiết chăm chăm trải nước non,
Thế sự một mai ca tứ mẫu,
Công danh hai chữ vẹn vuông tròn./.

I
14, b

緘 繩 Thơ giệt vải

黎 聖 尊 (Lê Thánh tôn.)

覽 民 餗 洌 擬 鷹 傷
丕 沛 蓮 虪 擇 綯 綱
秪 玉 吝 逡 梭 日 月
蹐 鐄 踸 蹅 摜 陰 陽

Thơ giệt vải (Lê Thánh-tôn)

Thấy dân đói rét nghĩ mà thương.
Vậy phải lên ngôi gỡ mối giềng.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Chân vàng giậm đạp máy âm dương./.

I
14, b

琨 蛤 Thơ con cóc

黎 聖 尊 (Lê Thánh-tôn)

塼 媄 生 罨 默 襖 緣
准 嚴 深 瀋 汶 躺 蚪
則 祗 罨 威 巴 住 蜆
覷 齩 動 轉 罘 方 圣

Bác mẹ sinh ra mặc áo sồi,
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.
Tắc lưỡi ra uy ba chú kiến,
Nghiến răng chuyển động bốn phương giời./.

I
14, b

猊 猶 Thơ con voi

黎 聖 尊 (Lê Thánh tôn)

衝 坡 罘 堎 掖 蔠 荄
撻 挓 迣 方 培 拮 䍦
法 渃 噲 異 絲 织 糾
飭 尼 包 管 鈽 鉊 揉

Xông pha bốn cõi bẻ chông gai,
Vùng vẫy mười phương bụi cát bay,
Phép nước gọi là to chỉ buộc,
Sức này bao quản buá rìu lay./.

畑 趍 軍 Vịnh đèn chậy quân.

失 名 (Không biết của ai)

I
88, b

備 棍 哎 偪 輞 梇 官
迷 趍 郡 吏 拱 汶 團
旦 欺 畑 燃 朘 時 吝
庄 覓 哎 偪 庄 覓 官

Bị gậy ăn mày vỗng lọng quan,
Quanh đi quẩn lại cũng một đoàn,
Đến khi đèn tắt giăng thời lặn,
Chẳng thấy ăn mày chẳng thấy quan./.

I
15, a

𠊛 唼 偭

Chơ người ăn - mày.

黎聖尊 (Lê Thánh - tôn)

庄	沛	唼	迻	庄	沛	撝
泣	和	天	下	旦	唼	偭
曷	珠	主	拮	高	昂	𥝢
陛	玉	碎	曾	蹲	執	𦙶
南	北	𣏟	西	調	旦	𩏂
稚	𣏟	𥝢	妈	拱	呈	柴
旦	兜	產	固	楼	臺	妬
罘	𣻌	調	收	沒	襶	苔

Chẳng phải ăn đong chẳng phải vay,
Khắp hoà thiên hạ đến ăn mày.
Hạt châu chủ cất cao ngang mặt,
Bệ ngọc tôi từng đứng chắp tay,
Nam, bắc, đông, tây đều đến cửa.
Trẻ, già, trai, gái cũng trình thầy.
Đến đâu sẵn có lâu đài đó,
Bốn bể đều thu một túi đầy./.

I
15, a

蒲 聰

Vịnh người bồ nhìn

黎 聖 尊

(Lê Thánh-tôn)

權 重 罨 威 鎮 堎 坡
本 恚 為 渃 𡨋 為 彙 玉
燦 燸 𤎩 粗 堆 彙 旗
摓 挓 蓮 𤩽 沒 幹 旗
揲 穌 獴 鴣 罨 塊 另
𢃄 軍 棋 摑 噲 空 𠰺
默 埃 趾 踤 塘 名 利
恩 渃 潭 湜 涘 霂 霫

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ,
Vốn lòng vì nước há vì dưa,
Xét soi trước mắt đôi vầng ngọc,
Vùng vẫy trên tay một cán cờ,
Giẹp giống muông chim ra khỏi lánh,
Giận quân cầy cuốc gọi không thưa.
Mặc ai nhẩy nhót đường danh lợi,
On nước đằm đìa giọt mốc mưa./

I

15, b

繩棋

Vịnh thằng mỏ.

黎聖尊

(Lê Thánh tôn)

唏制埃尼令咥撻𡸣
𢦏沛罘喙暄據拮台
吏庄𩞄泣調沛𢬣𢬣
哨保唛吧帝民衡具
𠰘應嗦啉帝民權汶
台渃鐸聲兜社鄁躺
𠰘廊木金兜社蓮汶

Gớm thay lớn tiếng lại dài hỏi,
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi,
Mộc đạc vang lừng trong bốn cõi
Kim thanh dầm dĩ khắp đòi nơi,
Đâu đâu đấy đấy đều nghe lệnh,
Xã xã dân dân phải cứ nhời,
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một cỗ thảnh thơi ngồi./.

I
88, b

問月

Hỏi mặt giăng

黎聖尊

Lê Thánh tôn.

尒 萬 𥳑 𠯑 沕 唉 群
據 𥳑 欺 闕 吏 欺 𩞄
噲 扎 玉 皃 陀 包 𥳑
咳 姉 姮 娥 𢀖 尒 𢀖
䀠 最 謾 之 燸 閣 紫
班 時 𥳑 吏 愮 彙 𥳑
𠄩 更 他 矧 除 埃 妬
能 固 情 𥳑 買 渃 嫩

Mấy vạn năm nay vẫn hãy còn,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn,
Hỏi chàng ngọc thỏ đà bao tuổi,
Hỏi chị hằng nga đã mấy con,
Buổi tối mần chi soi gác tiá,
Ban ngày sao lại thẹn vầng son,
Năm canh thơ thẩn chờ ai đó,
Hay có tình riêng mấy nước non./.

I
88, b

弔

Vịnh cái điếu

黎聖尊

(Lê Thánh-tôn)

唏	蕢	唛	吼	泣	鼂	外
仉	怀	鼠	腰	庄	沒	埃
頭	幞	駿	帶	蚪	占	占
恚	滝	肫	漇	褐	澗	澗
嗜	嗃	庄	藾	麔	噤	坦
熩	咀	空	高	拱	泣	歪
丿	祝	我	車	安	諾	吏
鯨	鯢	蠏	兒	泌	沁	唏

Hỡi thơm lừng lẫy khắp trong ngoài,
Kẻ nhớ người yêu chẳng một ai,
Đầu mũ lưng đai ngồi chồm chỗm,
Lòng sông gịa bể dễ khơi khơi,
Tiếng kêu chẳng lớn mà vang đất,
Khói thổ không cao cũng khắp giời,
Phút chốc ngả xe yên nước lại,
Kính, nghê, giải, thổ bặt tăm hơi./.

I
89, a

歎打箸

Vịnh người đánh giặm.

黎聖尊

(Lê Thánh Tôn)

跕	婁	凝	擬	鯉	頭	聒
凝	擬	鯉	頭	聒	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋
𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋	饒	𠱋

𠱋	寅	桑	顙	拮	軍	跕
𠱋	列	墨	彭	屢	𥪡	婁
為	諾	漲	騰	之	敢	凝
加	功	蹅	坦	管	之	𠱋
仍	類	魚心	鱒	調	搓	鯉
余	仉	函	興	拱	拉	頭
指	兗	旗	桃	墨	儿	聒
閉	𠱋	姑	奈	買	爭	饒

Giờ dân tang tảng cất quân mau,
Luồn luột ra đi lũ trước sau,
Vì nước giám mình chi giám ngại,
Gia công tạp dất quản chi đâu,
Những loài tôm tép đều sây vầy,
Mấy kẻ hung hăng cũng giập đầu,
Chi ngọn cỏ đao ra kẻ chợ,
Bấy giờ cô ả mới giành nhau./

I
89, a

猑蜪

Vịnh con muỗi

黎聖尊

(Lê Thánh tôn)

蜪	咳	眉	生	甲	乙	吊
晤	晤	掛	常	曾	聰	遭
班	晦	董	鼎	制	幔	柳
䁥	最	戎	仍	邑	膴	桃
撟	婀	姮	娥	當	職	旿
撩	㝵	淑	女	旼	占	包
倫	晤	吝	橘	撝	朱	痗
嘹	嘵	外	胗	詫	計	𥨊

Muỗi hỡi mày sinh giáp, ất não,
Đêm đêm thường quấy lỗ tai tao,
Ban ngày đủng đỉnh chơi màn liễu,
Buổi tối nhung nhăng ấp má đào,
Ghẹo ả hằng nga đương giấc ngủ,
Trêu người thục nữ lúc chiêm bao,
Luôn đêm lẩn quất ve cho nhọc,
Léo nhéo ngoài gia xá kể sao./.

I
15, b

閒居 (四首)

Vịnh nhàn ở. (Bốn bài)

阮秉謙

(Nguyễn-bỉnh-Khiêm)

1

吝 呂 暻 戈 腡 吏 戈
沒 番 春 細 沒 番 𦬊
愛 憂 煠 炟 腇 印 渃
名 利 凌 凌 遹 𠱸 花
案 册 汤 群 案 册 𦬊
渃 嫩 伴 買 渃 嫩 茹

Lần lưã ngày qua tháng lại qua,
Một phen xuân tới một phen già,
Ai ưu vằng vặc giăng in nước,
Danh lợi lâng lâng gió thổi hoa,
Án sách vẫn còn án sách củ,
Nước non bạn mấy nước non nhà,

排 次 台二

Bài thứ hai.

I
16, a

𣴎	吱	𠊛	𤸷	悒	些	𩛥
油	劍	油	欣	埃	默	埃
味	怒	固	裴	空	固	吼
牟	箕	拱	𧰼	吏	強	派
𠀧	𠀧	分	定	停	安	分
唒	固	才	欣	𣴎	悒	才
君	子	唸	貼	機	出	處
乙	羅	坤	歇	奇	和	台二

Chớ chê người vắn cậy ta dài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai,
Vị nọ có bùi không có ngọt,
Mầu kia cũng thắm lại càng phai,
Đã hay phận định đành yên phận,
Dẫu có tài hơn chớ cậy tài,
Quân tử ngẫm xem cơ xuất xử,
Ắt là khôn hết cả hoà hai./.

I
16, a

排 次 匹
Bài thứ ba.

世 間 變 樹 窖 雷 催
醷 醶 咮 嗳 買 吼 裴
群 鉑 群 錢 群 子 弟
碣 粓 碣 粘 碣 翁 碎
碧 矜 唒 重 㝵 宜 寔
天 下 埃 於 㝵 待 杯
貼 技 買 能 㝵 薄 惡
覇 辰 尋 旦 𢇍 尋 蹯

Thế gian biến đổi khéo lôi thôi,
Mặn chát chua cay mấy ngọt bùi,
Còn bạc còn tiền còn đệ tử,
Hết cơm hết gạo hết ông tôi,
Xưa nay dẫu trọng người ngay thực,
Thiên hạ ai ưa đứa đãi bôi,
Xem kỹ mới hay người bạc ác,
Giầu thì tìm đến khó tìm lui./.

排次罰

Bài thứ tư.

I
16, a

霸	辰	整	篆	𩏂	雷	催
運	轉	流	通	𣂏	貼	埃
滝	怒	嚕	欺	成	堽	垥
墀	箕	固	昕	吏	凡	台
坤	頑	買	别	升	辰	降
瘣	瘊	𩏂	能	小	固	臺? 大
乇	屈	包	饒	辰	吏	抹
道	丕	弄	弄	庄	兮	差

Giầu thời chĩnh chiện khó lôi thôi.
Vận chuyển lưu thông há cuả ai,
Sông nọ ghê khi thành bãi cát,
Cồn kia có lúc lại hòn thai
Khôn ngoan mới biết thăng thời giáng,
Rại rột sao hay tiểu có đài,
Đã khuất bao nhiêu thời lại giuối,
Đạo giời lồng lộng chẳng hề sai./.

乞食（二首）

Ăn xin (hai bài)

狀瓊（即阮瓊）

Trạng Quỳnh (Nguyễn-Quỳnh)

I 90, a

宋山弘化固賒謨
曝極朱鍼化秩務
沛蹲頭坡嗹(嗔)撥姊
姊女恚芇姊庄朱

Tống-sơn, Hoằng-hoá có xa mô,
Nắng nực cho nên hoá mất mùa,
Phải đứng đầu bờ xin xỏ chị,
Chị nỡ lòng nào chị chẳng cho./.

I 90, a

務夏欺矜曝極台
恩姑固膝吏朱剮
恩意祕夷鷹者吏
嗔跪台𠄩蹭掾台𠄩𢬣

Mùa hạ khi nay nắng cực thay,
Ơn cô có bụng lại cho rầy,
Ơn ấy lấy gì mà giả lại,
Xin quì hai gối chống hai tay./.

儒僧同舟

Nho, tăng đồng chu

梁梁得有朋慶

Lương đắc - Bằng.

I
89, b

沒 函 經 史 篋 金 剛
的 佪 共 迎 沒 渡 江
盎 會 茹 齋 的 董 鼎
樓 紅 閣 紫 佪 迎 昂
的 𥨊 庄 𢘅 𠸄 韓 愈
佪 沕 群 唫 傳 始 皇
段 渡 江 尼 的 嗜 佪
的 術 奉 伏 佪 扶 王

Một hòm kinh sử níp kim cương,
Người, tớ cùng sang một bến giang,
Dán hội nhà chay người đủng đỉnh,
Lầu hồng gác tía tớ nghênh ngang,
Người sao chẳng nhớ nhời Hàn - Dữ,
Tớ vẫn còn căm truyện Thuỷ - Hoàng,
Đoạn bến giang này người giã tớ;
Người về phụng phật tớ phù vương.)

嘆 茷

Than đời

阮 秉 謙

(Nguyễn-bỉnh-Khiêm)

I
98, b

夫 掀 貂 輸 蚌 蠏? 貴 怕
丈 堆 座 空 担 之 為 沛
嗜 傳 低 帝 擲 劍 和 嘺
爭 固 坤 沛 群 褐 以 欣
停 鍼 帝 低 唉 侯 人 辰
世 之 悒 浪 怒 箕 浪 事
於 為 帝 低 鵶 蜨 字 無

Ở thế đừng tranh tiếng trượng phu,
Vị chi nên có truyện đôi co,
Đấy cậy đấy khôn đây chẳng chựu,
Đây rằng đây phải đấy không thua,
Ác nọ hãy còn đo đắn bạng,
Lườn kia hầu rễ kém chi cò,
Chữ rằng nhân dĩ hoà vi qúi,
Vô sự thời hơn kẻo phải lo./.

嘆 茷

Than đời

阮 秉 謙

Nguyễn-bỉnh-Khiêm

I
98, b

與 齡 咀 世 默 嗜 吱
穢 㐌 𥳑 来 每 事 慣
祿 碾 盌 𥫗 恩 主 碾
才 鍼 仍 别 固 功 鍼
同 朝 伴 𨉟 能 恚 砂
伴 士 圭 𢀖 合 稱 悁
荣 辱 機 開 常 搭 拊
乙 異 曾 覺 沒 堆 畨

Dữ lanh miệng thế mặc chê khen,
Tuổi đã già rồi mọi sự hèn,
Lộc nặng giám quên ơn chuá nặng,
Tài nên nhưng biết có công nên,
Đồng triều bạn cũ hay lòng ít,
Bạn sĩ quê xưa họp mặt quen,
Vinh nhục cơ quan thường đắp đổi,
Ắt là từng thấy một đôi phen./.

嘆 茷

Than đời

阮 秉 謙

(Nguyễn-bỉnh-Khiêm)

I
92, a

悻 窖 吊 埃 庄 固 藝
𢇍 巾 沛 累 旦 妻 兒
特 辰 廊 店 毛 蹎 旦
失 勢 親 朋 擐 稱 彭
枷 固 腥 遭 蛛 杜 吏
撐 空 蜜 朕 蜆 蹣 彭
茷 矜 只 重 㝵 彭 貼
嘬 旦 𢬣 空 埃 几 為

Vụng khéo nào ai chẳng có nghề,
Khó khăn phải lụy đến thê nhi,
Được thời làng xóm mau chân đến,
Thất thế thân bằng ngoảnh mặt đi,
Thớt có tanh tao ruồi đổ lại,
Xanh không mật mỡ kiến bò đi,
Đời nay chỉ trọng người nhiều của,
Nếu đến tay không ai kẻ vì.

尨 迸 自 壽

Chín mười tự thọ.

裴秉淵

(Bùi-bỉnh-Uyên)

I
87, b

巴 希 罘 主 㲋 繩 猑
吝 矧 春 秋 尨 逐 鶣
君 德 芳 尨 生 拱 慌
棺 材 產 妬 薨 辰 撙
江 湖 廊 廟 丕 堆 我
備 棍 巾 帶 坦 汶 凡
拱 憫 蚌 添 痱 逐 女
慱 翁 彭 祖 送 同 門

Ba vua bốn chuá bẩy thằng con,
Lẩn thẩn xuân thu chín chục tròn.
Quân đức thế này sinh cũng hổ.
Quan tài sẵn đó chết thời chôn,
Giang hồ, lang miếu giời đôi ngả,
Bị gậy, cân đai đất một hòn.
Cũng muốn sống thêm vài chục nữa.
Sợ ông Bành-tổ tống đồng môn./.

徵王

Trưng vưởng

黃高啓

(Hoàng-cao-Khải) (cụ quận Hoàng)

I
87, b

霜王變常粉鐄佐𩞄
雪嶔醪遝膴胗兜霋
烯怮官妈堆沒矜弄
南業黜台山穌漢湖
丕事責嗜江孙東西
砂秋殘烈買饒銅渃
像𢀖貪轟料掙榾瀾

Tượng đá giời nam giải tuyết sương.
Nghìn thu sự nghiệp nhớ Trưng-vương,
Tham tán trách bởi quan gây biến,
Oanh liệt khen thay gái lạ thường,
Liều mấy giang sơn đôi má phấn,
Gianh nhau nòi giống một gia vàng,
Cột đồng Đông-hán nay đâu đá,
Lần nước Tây-hồ lộng bóng gương./.

蜀安陽王

Thục an dương vương

黃高啓

Hoàng-cao-Khải

I
88, a

城 蚨 霆 霑 鞊 木 蔡
溦 犀 朘 吝 湱 墱 潮
和 親 捽 缶 怪 堆 𡨦
恩 惡 醪 缶 𩌏 𩌏 每 調
黽 瓜 毛 停 黜 機 嬇 𢬣
鵞 毛 拱 𨁂 𡢁 情 扨
勸 埃 辰 𠀧 𦝫 𣎆 朱 技
誠 信 包 饒 𠰺 閉 饒

Thành ốc mây mù cỏ mọc rêu.
Bể tê giăng lặn sóng giâng chiều,
Hoà thân trót đã nhầm đôi chữ,
Ân oán gây nên đủ mọi đều,
Quí trảo đã đành cơ tạo đổi,
Nga mao cũng bởi nợ tình đeo.
Khuyên ai thời thế xem cho kỹ,
Thành tín bao nhiêu giới bấy nhiêu./.

蒲𥆾

Vịnh người bồ nhìn

失名

Không biết của ai.

I
.88, a

抶 𨉟 隊 𥶄 眜 戈 於
恩 主 傳 朱 𨅸 𡨹 荼
𢬣 襖 拂 撥 欺 陣 𩙍
蒲 泒 沼 淹 𣅶 干 霔
𢭂 彈 鵲 𪀄 𢺺 朱 淨
喝 佳 田 夫 噲 庄 ⿰口竦
𨅸 帝 閉 數 陀 余 𣎃
⿰口每 浪 咹 特 菓 芇 𣗓

Thắt lưng đội nón ngó qua ư,
Ơn chúa truyền cho đứng giữ dưa,
Tay áo phất phơ khi trận gió,
Bồ hôi lã chã lúc cơn mưa,
Đuổi đoàn thước, để đi cho tịnh,
Hệ chú điền phu gọi chẳng thưa,
Đứng đấy bấy lâu đã mấy tháng,
Hỏi rằng ăn được quả nào chưa./.

題 厨 婆 硕

Đề chuà Bà-banh

阮 瓊

(Nguyễn-Quỳnh) (Trạng Quỳnh)

I
90, b

窖 𡗶 呥 麿 𡗶 買 低
唷 埃 扐 砂 鑿 鍼 偮
蓮 古 點 扐 堆 縚 曷
𢀖 蹎 𡗶 蹈 汶 堆 鞜
掀 裾 拂 旗 嘹 喨 小
底 圖 卜 粘 此 清 柴
固 𦐇 𥪝 座 𡘋 陛 玉
窖 𡗶 呥 麿 𡗶 買 低

Khéo đứng du mà đứng mãi đây,
Khen ai đẽo đá tạc nên mày,
Trên cổ điểm đeo đôi chuỗi hạt,
Dưới chân đứng tréo một đôi giầy,
Cửi vay phất cờ trêu ghẹo tiểu,
Để đồ bốc gạo thử thênh thầy,
Có thiêng sao chẳng ngồi bệ ngọc,
Khéo đứng du mà đứng mãi đây./.

鄭主出兵翁瓊進詩

Chúa Trịnh ra quân ông Quỳnh giâng thơ.

阮瓊

(Nguyễn Quỳnh)

I
90, b

姅脂暴子曠更匙
脫進連差破壘罨
沒將撟蹲包剃塞
台軍些覩納直邊河
軍些覩論共軍奴
渃奴罨和買渃些
雙陣捽術捽器械
尋尼武庫底干戈

Nửa đêm giờ tí khoảng canh ba,
Thoạt tiến liền sai phá luỹ ra,
Một tướng kéo ngay vào cửa tái,
Hai quân đứng nép chực bên hà,
Quân ta đổ lộn cùng quân nó,
Nước nó ra hoà mấy nước ta,
Xong trận rút về lau khí giới,
Tìm nơi vũ khố để can qua./

擬陵母送使者

Nghĩ mẹ Vương-Lăng tống sứ giả.

阮瓊

(Nguyễn - Quỳnh)

I
90, b

亭舖滕蕩馭移蹎
餒媄猑尼掇使君
忮漢恚群粭沒𠃧
傷陵頭𠀧泊閉分
堆皮忠孝坤𠄩院
沒會功名褐尒吝
躺媄蓂鐄停蒙𦟝
術辰認技義君臣

Đình phô đằng đẵng ngựa rời chân,
Nỗi mẹ con này gửi sứ quân,
Nhớ Hán lòng còn son một tấm,
Thương Lăng đầu đã bạc muôn phần,
Đôi bề trung hiếu khôn hai vẹn,
Một hội công danh dễ mấy lần,
Mình mẹ lá vàng đành mỏng mảnh,
Về thời nhận kỹ nghĩa quân thần./

詠漢高祖

Vịnh Hán Cao-tổ

阮瓊

(Nguyễn-Quỳnh)

I
91, a

債 腳 黓 迸 台 訥 蛛
劍 䞋 匜 焚 捽 扲 椎
衝 色 函 谷 獵 唁? 胳?
跗 竈 烏 江 獥 給 雛
拜 將 庄 泥 繩 捇 簪
封 侯 群 㤼 几 搊? 棋
罘 㬎 業 漢 鞝 䞋 尒
過 魯 為 蒸 祭 待 杯

Trái vế bảy mười hai nốt ruồi,
Kiếm dài ba thước tuốt cầm chuôi,
Xông vào Hàm-cốc hiêu co cổ,
Duổi xuống Ô-giang khỉ cụp duôi,
Bái tướng chẳng nề thằng xách giỏ,
Phong hầu còn nhớ kẻ cào môi,
Bốn trăm nghiệp Hán sao dài mấy,
Quá lỗ vì chưng tế đãi bôi./.

曷便

Hạt tiện

阮瓊

(Nguyễn-Quỳnh)

I
91, a

吝 呂 朱 戈 腩 小 大
嘺 𥳑 群 𩟗 腩 群 𧙗
𡢁 𢦏 𥪝 𩟗 裙 𢦏 𩟗
襖 𢬣 𩟗 蓮 襊 𢬣 乖
𠰺 嬸 固 茄 停 扱 鰻
保 𢬣 扒 粘 𠛬 添 芎
得 些 固 吶 浪 曷 便
曷 便 仍 麔 庄 累 埃

Lần lữa cho qua tháng tiểu đài,
Kẻo năm còn rộng tháng còn dài,
Nón thay mặt dưới quần thay ống,
Áo đổi vai trên túi đổi quai,
Giặn vợ có cà đừng gắp mắm,
Bảo con bớt gạo cạo thêm khoai,
Người ta có nói rằng hạt tiện,
Hạt tiện nhưng mà chẳng lụy ai./.

吠 猥

Giây con

阮 瓊

(Nguyễn - Quỳnh)

I
91, b

呈	坦	生	墨	道	布	猥
猥	辰	腰	布	布	傷	猥
啓	哇	湟	於	猥	暄	布
鍾	沛	調	欣	布	吠	猥
布	沛	民	猥	羅	道	布
猥	輒	暄	布	買	羅	猥
曝	黏	孝	順	猥	蜍	布
埃	拱	嗰	朱	布	固	猥
Giới	dất	sinh	ra	đạo	bố	con,
Con	thời	yêu	bố	bố	thường	con,
Nhới	ăn	nết	ở	con	nghe	bố,
Nhẽ	phải	điều	hòn	bố	giây	con,
Bố	phải	răn	con	là	đạo	bố,
Con	nên	nghe	bố	mới	là	con,
Ngày	sau	hiếu	thuận	con	thờ	bố,
Cũ	cũng	khen	cho	bố	có	con,

勸學

Khuyến học

阮瓊

(Nguyễn-Quỳnh)

I
91, b

因 睞 清 閑 論 學 制
勸 猥 噉 學 瀋 噉 制
制 尼 畑 册 異 制 學
學 盎 碁 排 意 學 制
仍 仉 覇 鄖 坤 黜 學
尒 得 鼈 輅 瘣 爲 制
制 辰 無 益 鞫 平 學
學 乇 鍼 身 来 唉 制

Nhân thuở thanh nhàn luận học chơi,
Khuyên con ham học chớ ham chơi,
Chơi nơi đèn sách là chơi học,
Học đám cờ bài ấy học chơi,
Những kẻ giầu sang khôn bởi học,
Mấy người nghèo khổ dại vì chơi,
Chơi thời vô ích sao bằng học,
Học đã nên thân rồi hãy chơi./

勸學

Khuyến học

阮瓊

(Nguyễn - Quỳnh.)

I
92, a

科目朝廷𩓐𩓐台
勸𢬣故志學朱能
粓唼𠄩餂𠯑𠰘𥝩𥝩
襖默罘務媄𥝩𥝩
棋轎鉑排停底眛
筆硯經史庄移𢬣
沒枚占榜𣂏天下
𤎜[報] báo 𥝩[德] đức 吒[媄] mẹ 生[吒] cha 𤎜[者] giả 𥝩[義] nghĩa 柴[柴] thầy.

Khoa mục triều đình mở rộng thay,
Khuyên con cố chí học cho hay,
Cơm ăn hai bữa cha cầy cấy,
Áo mặc bốn mùa mẹ vá may,
Cờ, kiệu, bạc, bài đừng để mắt,
Bút, nghiên, kinh, sử chẳng rời tay,
Một mai chiếm bảng khôi thiên hạ,
Tỏ mặt cha sinh tỏ mặt thầy./.

亭盎得媄孨些

Đình đám người mẹ con ta.

仁亭

(Nhân đình)

I
97, b

涂從埃彯咳埃喂
叫?媄孨些盎盎彯𠊛
覽吶曾𡗶𠯑𡨦𡨦𡨦
都饒𢬣𢬣泣𢬣隊𡰥
貪錢到𠯑𠯑𠯑𠯑𢬣
適志𢬣𢬣𢬣姊𠯑
奴𠯑𠯑之𠯑𠯑𠯑𠯑
蝰𡨦些待盎些制

Dơ tuồng ai lắm hỡi ai ơi,
Kêu mẹ con ta đám đám người,
Thấy nói tưng bừng hay lắm vẻ,
Đua nhau vùng vẫy khắp đòi nơi,
Tham tiền đáo điả nhiều anh mắc,
Thích chí cây đu lắm chị cười,
Nô nức làm chi cho nắng trẻ,
Rồng mây ta đợi đám ta chơi./

悼 内
Điệu nội
仁 亭
(Nhân đình)

I
98, a

東	共	媄	鈇	涪	淹
波	饒	悯	嚩	邋	嶽
薩	撿	孤	嬌	千	容
算	併	雙	𠊛	𠊛	𠊛
Đê	rập	cùng	nhau	tát	bể	đông,
Dì	đâu	sao	chẳng	đu	nhau	cùng,
Suối	vàng	trứng	nước	con	mừng	mẹ,
Ngày	trăng	xe	mây	vợ	trước	chồng,
Gió	tát	nổi	chi	cỏn	gió	bụi,
Chuông	nga	nỡ	phụ	khách	non	sông,
Mấy	nhau	ấy	cũng	toan	cùng	hồ,
Chín	chữ	cù	lao	tính	chưa	xong.

免	挿	共	饒	薩	波	東
彡	覺	鞠	左	撿	饒	共
滔	鑌	罷	沽	孤	悯	媄
韜	罷	車	霘	嬌	嚩	鈇
丞	坦	婆	之	千	邋	涪
嫦	娥	女	員	容	嶽	淹
買	饒	意	拱	算	共	坪
妙	穻	劬	劳	併	𠊛	雙
Dẫ	rập	cùng	nhau	tát	bể	đông,
Dì	đâu	sao	chẳng	đu	nhau	cùng,
Suối	vàng	trứng	nước	con	mừng	mẹ,
Ngày	trăng	xe	mây	vợ	trước	chồng,
Gió	tát	nổi	chi	cỏn	gió	bụi,
Chuông	nga	nỡ	phụ	khách	non	sông,
Mấy	nhau	ấy	cũng	toan	cùng	hồ,
Chín	chữ	cù	lao	tính	chưa	xong.

𠰘 唼 轢 片 吶

Thay nhời thuốc phiện nói.

仁 亭

(Nhân đình)

I
98, a

價 婘 彊 貴 吏 彊 高
香 炤 𠀧 生 掄 約 泑
煙 閣 我 迎 干 得 意
雲 亭 醝 醒 戢 占 色
永 饒 沒 餂 𩞄 愠 把
𩵦 計 輸 晧 沕 渴 滈
𩵦 盎 衣 冠 𩵦 尒 度
腰 埃 埃 惜 噤 埃 嘲

Giá em càng qúi lại càng cao,
Hưởng bửa ba sinh trọn ước ao,
Yên các ngả nghiêng cơn đắc ý,
Vân đình say tỉnh giấc chiêm bao,
Vắng nhau một bữa nên buồn bã,
Nằm kế thâu đêm vẫn khát khao,
Trong đám Y quan năm mấy độ,
Yêu ai ai tiếc cợt ai chào ./.